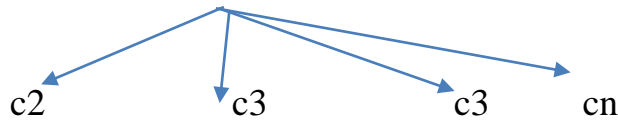


Ngày soạn: 15/8

Tiết 1+ 2 : CÁC CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN (HÌNH THỨC ĐOẠN)

I / HÌNH THỨC ĐOẠN VĂN DIỄN DỊCH

Câu chủ đề (C1)



-Câu 1: là câu chủ đề

-Các câu còn lại triển khai ý của câu chủ đề

C (câu mở đoạn) nêu ý chủ đề

c2, c3, cn : triển khai nội dung

Công thức: C = c1+c2+c3+..... cn

* Lưu ý: câu cuối cùng đoạn văn diễn dịch không nhắc lại ý chủ đề, không kết luận về nội dung của đoạn văn.

1. Đoạn văn viết về nhân vật.

-Mô hình câu chủ đề

Nhân vật nào, trong văn bản nào, của ai có những phẩm chất (đặc điểm) nổi bật nào?
(Nhân vật nào, trong văn bản nào, của ai là người như thế nào? (nêu phẩm chất, đặc điểm chính))

-VD: Viên quan phụ mẫu trong văn bản “Sống chết mặc bay” của nhà văn Phạm Duy Tốn là kẻ “Lòng lang dạ sói”, thờ ơ , vô trách nhiệm trước sự sống chết của nhân dân.

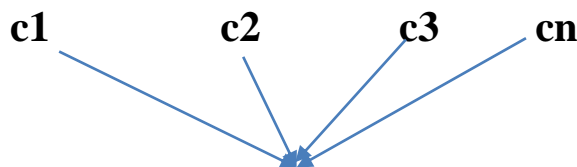
2. Đoạn văn viết về khổ thơ (đoạn thơ).

-Mô hình câu chủ đề:

Khổ thơ thứ mấy trong tác phẩm nào của ai đã thể hiện nội dung gì?

-VD: Khổ đầu cuối trong bài thơ “ Tiếng gà trưa ” của nữ sĩ Xuân Quỳnh thể hiện ý chí chiến đấu của người lính được bắt nguồn từ tình yêu Tổ quốc, yêu xóm làng , từ tình yêu thương đối với người bà và cả những kỉ niệm êm đềm của tuổi thơ.

II/ HÌNH THỨC ĐOẠN VĂN QUI NẠP:



Câu chủ đề

c1 : mở đoạn , mang tính giới thiệu, ko chứa ý chủ đề

c2, c3, cn : triển khai nội dung

C (câu cuối đoạn) khái quát nội dung chủ đề

Công thức: c1+c2+c3+..... cn= C (câu chủ đề)

Câu cuối là câu chủ đề

1.Đoạn văn viết về nhân vật.

-Câu 1: Tên nhân vật + là + nhân vật (chính) trong tác phẩm nào của ai?

-Câu cuối: Mở đầu bằng 1 trong các cụm từ mang ý nghĩa kết luận: “Như vậy”, “Có thể nói”, “Tóm lại” + nhân vật có những phẩm chất (đặc điểm) nổi bật nào?

-VD: Đoạn cảm nhận về nhân vật viên quan phụ mẫu

+ Câu 1: Viên quan phụ mẫu là nhân vật chính trong tác phẩm “ Sóng chết mặc bay” của nhà văn Phạm Duy Tốn.

+ Câu cuối: Tóm lại, viên quan phụ mẫu là kẻ “Lòng lang dạ sói”, thờ ơ, vô trách nhiệm trước sự sống chết của nhân dân.

2. Đoạn văn viết về khổ thơ (đoạn thơ).

-Câu 1: Trong tác phẩm nào của ai, tác giả viết: (trích thơ)

-Câu cuối: Mở đầu bằng các cụm từ mang ý nghĩa kết luận: “Như vậy”, “ Có thể nói”, “ Tóm lại” + khổ thơ đó thể hiện nội dung gì?

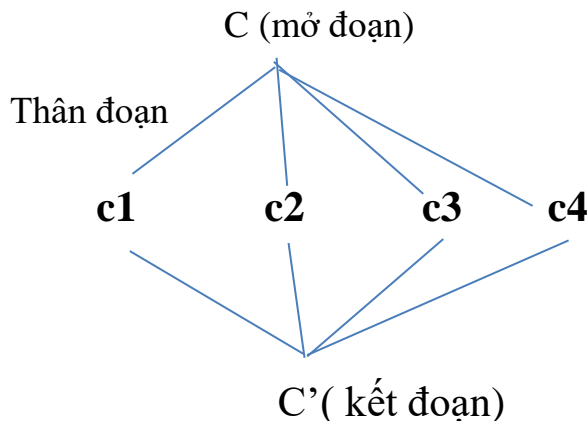
-VD: Đoạn văn cảm nhận về khổ cuối văn bản “Tiếng gà trưa

+ Câu 1: Trong khổ cuối văn bản “ Tiếng gà trưa” của nữ sĩ Xuân Quỳnh tác giả viết: Cháu chiến đấu hôm nay

.....
Ồ trứng hồng tuổi thơ

+ Câu cuối: Như vậy, khổ thơ cuối đã thể hiện ý chí chiến đấu của người lính được bắt nguồn từ tình yêu Tổ quốc, yêu xóm làng , từ tình yêu thương đối với người bà và cả những kỉ niệm êm đềm của tuổi thơ.

I. HÌNH THỨC ĐOẠN VĂN TỔNG – PHÂN - HỢP:



+ Câu mở đoạn: nêu ý chủ đề

+ Câu kết đoạn: chứa ý chủ đề và cảm xúc, nhận xét của người viết

Câu chủ đề là câu 1 và câu cuối

1.Đoạn văn viết về nhân vật.

-Câu 1: Nhân vật nào, trong văn bản nào, của ai có những phẩm chất (đặc điểm) nổi bật nào?

-Câu cuối: Mở đầu bằng 1 câu trong các cụm từ mang ý nghĩa kết luận: “Như vậy”, “Có thể nói”, “Tóm lại” + nhân vật có những phẩm chất (đặc điểm) nổi bật nào?

-VD: Đoạn văn cảm nhận về nhân vật viên quan phụ mẫu :

+ Câu 1: Viên quan phụ mẫu trong văn bản “Sóng chết mặc bay” của nhà văn Phạm Duy Tốn là kẻ “Lòng lang dạ sói”, thờ ơ , vô trách nhiệm trước sự sống chết của nhân dân.

+ Câu cuối: Tóm lại, viên quan phụ mẫu trong văn bản “Sóng chết mặc bay” của nhà văn Phạm Duy Tốn là kẻ “Lòng lang dạ sói”, thờ ơ , vô trách nhiệm trước sự sống chết của nhân dân.

2. Đoạn văn viết về khổ thơ (đoạn thơ).

-Câu 1: Khổ thơ thứ mấy trong tác phẩm nào của ai đã thể hiện nội dung gì?

-Câu cuối: Mở đầu bằng 1 trong các cụm từ mang ý nghĩa kết luận : “ Như vậy”, “ Có thể nói”, “ Tóm lại” + khổ thơ đó thể hiện nội dung gì?

-VD: Đoạn cảm nhận về khổ cuối bài thơ “ Tiếng gà trưa”

+ Câu 1: Khổ thơ cuối trong bài thơ “ Tiếng gà trưa” đã thể hiện ý chí chiến đấu của người lính được bắt nguồn từ tình yêu Tổ quốc, yêu xóm làng, từ tình yêu thương đối với người bà và cả những kỉ niệm êm đềm của tuổi thơ.

+ Câu cuối: Như vậy, khổ thơ cuối đã thể hiện lên ý chí chiến đấu của người lính được bắt nguồn từ tình yêu Tổ quốc, yêu xóm làng , từ tình yêu thương đối với người bà và cả những kỉ niệm êm đềm của tuổi thơ.

Hướng dẫn cụ thể

1. Đoạn văn diễn dịch (Có câu chủ đề):

Đoạn diễn dịch là đoạn văn trong đó câu chủ đề mang ý nghĩa khái quát **đứng ở đầu đoạn**, các câu còn lại triển khai cụ thể ý của câu chủ đề, bổ sung, làm rõ cho câu chủ đề. Các câu triển khai được thực hiện bằng các thao tác giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận, có thể kèm theo nhận xét, đánh giá và bộc lộ cảm nhận của người viết.

VD1: *Hiện nay tình hình giao thông tại thành phố có rất nhiều vấn đề phải nói trong đó có vấn đề ùn tắc giao thông. Các tuyến đường thường xuyên xảy ra ùn tắc là do những lí do sau: gần trường học, có đường ray xe lửa đi qua, thường xuyên gặp nước khi trời mưa, hệ thống tín hiệu đèn giao thông bị hỏng mà không có sự can thiệp kịp thời của cảnh sát giao thông, và ý thức của người dân... chống ùn tắc giao thông là vấn đề của toàn xã hội, chứ không phải của riêng ngành giao thông, công an. Về lâu dài nên mở rộng diện tích đất khu trung tâm thành phố Hồ Chí Minh ra ngoại ô, tức là giãn dân ra xa khu trung tâm hành chính hiện ra để thực hiện vấn đề trên không còn cách nào là phải quy hoạch lại các cơ quan hành chính, trường học, bệnh viện ra xa trung tâm hiện nay.*

VD 2. *Ông đồ là một tác phẩm chứa đựng nỗi niềm hoài cổ về một lớp người đã đi vào dĩ vãng. Bởi vào thời điểm đó, Hán học đã suy tàn, văn hóa phương Tây tràn đến dưới sự thống trị của ngoại bang dần dần xâm lấn văn hóa đương thời. Những lớp người xưa cũ như ông đồ trở thành một người thừa của xã hội ấy, không ai quan tâm, chẳng ai hay biết. Người ta nhắc tới ông đồ chỉ như nhắc tới một quá khứ xa xôi, khi mà Nho học còn được trọng vọng với một sự hoài niệm đầy xót xa.*

2. Đoạn văn quy nạp (Có câu chủ đề)

Đoạn quy nạp là đoạn văn được trình bày đi từ các ý nhỏ đến ý lớn, từ các ý chi tiết đến ý khái quát, từ ý luận cứ cụ thể đến ý kết luận bao trùm. Theo cách trình bày này, câu chủ đề nằm ở vị trí cuối đoạn. Ở vị trí này, câu chủ đề không làm nhiệm vụ định hướng nội dung triển khai cho toàn đoạn mà lại làm nhiệm vụ khép lại nội dung cho đoạn ấy. Các câu trên được trình bày bằng các thao tác lập luận, minh họa, cảm nhận và rút ra nhận xét đánh giá chung.

VD1:

Những đứa con từ khi sinh ra đến khi trưởng thành, phần lớn thời gian là gần gũi và thường là chịu ảnh hưởng từ người mẹ hơn từ cha. Chúng được mẹ cho bú sữa, bông ẵm, dỗ dành, tắm giặt, ru ngủ, cho ăn uống, chăm sóc rất nhiều khi ốm đau... Với

việc nhận thức thông qua quá trình bé tự quan sát, học hỏi tự nhiên hàng ngày và ảnh hưởng đặc biệt các đức của người mẹ, đã hình thành dần dần bản tính của đứa con theo kiểu “mưa dầm, thấm lâu”. Ngoài ra, những đứa trẻ thường là thích bắt chước người khác thông qua những hành động của người gần gũi nhất chủ yếu là người mẹ. Chính người phụ nữ là người chăm sóc và giáo dục con cái chủ yếu trong gia đình.

(Trần Thanh Thảo)

VD2: *Mỗi ngày thức dậy bạn cảm thấy yêu đời hơn. Mỗi ngày thức dậy bạn tìm cho mình một nguồn cảm hứng để làm việc. Mỗi ngày, chúng ta tận hưởng những thú vui khác nhau để cuộc sống này trọn vẹn hơn. Chúng ta không biết được ngày mai ra sao. Chúng ta cũng ta cũng không biết được những chuyện gì sẽ xảy đến. **Chính vì thế, chúng ta hãy sống thật trọn vẹn để không phải hối tiếc về những điều đã xảy ra.***

3. Đoạn tổng – phân – hợp (Có câu chủ đề ở đầu và cuối đoạn văn)

Đoạn tổng – phân – hợp là đoạn văn phối hợp diễn dịch với qui nạp. Câu mở đầu đoạn nêu ý khái quát bậc một, các câu tiếp theo triển khai cụ thể ý khái quát. Câu kết đoạn là ý khái quát bậc hai mang tính chất nâng cao, mở rộng. Những câu triển khai ý được thực hiện bằng các thao tác giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận, nhận xét, đánh giá hoặc nêu suy nghĩ...để từ đó đề xuất nhận định đối với chủ đề, tổng hợp, khẳng định, nâng cao vấn đề.

VD 1

Thế đấy, biển luôn luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thắm, biển cũng xanh thắm, như dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt, nặng nề. Trời âm ỉ đông gió, biển đục ngầu giận dữ...Như một con người biết buồn vui, biển lúc tẻ nhạt, lạnh lùng, lúc sôi nổi, hả hê, lúc dăm chiêu, gắt gỏng.

(Vũ Tú Nam)

VD2 .

Sách mang tới cho chúng ta nguồn kiến thức vô hạn. Bởi sách không chỉ cung cấp cho chúng ta thông tin, kiến thức về văn hóa, chính trị, về tôn giáo, ... mà còn giúp chúng ta chiêm nghiệm về xã hội xa xưa thông qua các tác phẩm văn học, lịch sử. Nó giúp chúng ta được sống nhiều cuộc đời khác nhau, giúp chúng ta mở mang chân trời mới. Đọc sách, người ta thấu hiểu nhiều điều, nhiều nền văn hóa khác nhau. **Vì vậy, có thể nói, sách chính là kho tàng kiến thức của cả nhân loại.**

VD3 *Truyện Kiều của Nguyễn Du là một kiệt tác của nền văn học Việt Nam. Từ những giá trị nhân đạo mà tác giả mang đến cho con người, ta thêm thấu hiểu, đồng cảm và yêu thương nhân vật. Từ những thành công vang dội của tác phẩm, ta càng thêm tự hào về con người và thi văn Việt Nam. Bên cạnh ý nghĩa nhân văn mà Nguyễn Du mang đến, tác phẩm còn được đánh giá cao về giá trị nghệ thuật độc đáo của nó. Từ những yếu tố trên, ta có thể khẳng định Truyện Kiều là niềm tự hào của con người và đất nước Việt Nam.*

Ngày soạn: 16/8

Tiết 3+4 : PHƯƠNG PHÁP VIẾT NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

A.MTCD

- Nắm chắc nội dung văn nghị luận
- Biết liên hệ và vận dụng thực tế.

B.CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1.Giáo viên

- Soạn bài, chuẩn bị phiếu bài tập.

2.Học sinh

- ôn tập theo hướng dẫn của GV

C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

I.Kiến thức cơ bản

- Hs nắm được những kỹ năng cơ bản khi làm bài văn nghị luận .
- Sưu tầm và chuẩn bị tài liệu để viết bài văn nghị luận.

CÁC DẠNG BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI THƯỜNG GẶP NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG ĐẠO LÝ

A.Cách làm

I. Mở bài

- Giới thiệu khái quát tư tưởng , đạo lý cần nghị luận.
- Nêu ý chính(vấn đề) hoặc câu nói về tư tưởng , đạo lý mà đề bài đưa ra.

II. Thân bài

LĐ1: Giải thích rõ nội dung, tư tưởng đạo lý (Là gì?)

- Giải thích các từ ngữ, thuật ngữ , khái niệm, nghĩa đen/ nghĩa bóng (nếu có)
- Rút ra ý nghĩa chung của tư tưởng, đạo lý.

LĐ2: Phân tích, chứng minh các mặt đúng của tư tưởng, đạo lý (Tại sao? Như thế nào?)

- Dùng dẫn chứng để chứng minh. Từ đó chỉ ra tầm quan trọng, tác dụng của tư tưởng, đạo lý đối với đời sống xã hội.

LĐ3: Bình luận, mở rộng vấn đề , bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến tư tưởng đạo lý vì có những tư tưởng đạo lý đúng trong thời đại này nhưng hạn chế trong thời đại khác , đúng trong hoàn cảnh này nhưng chưa đúng trong hoàn cảnh khác.

Dùng dẫn chứng minh họa.

Thực chất của luận điểm này là trả lời cho một số câu hỏi nhằm lật ngược vấn đề, nhìn nhận vấn đề trong nhiều chiều, nhiều góc độ thấu đáo hơn , tránh áp đặt khiên cưỡng.(VD các câu hỏi như : có ngoại lệ hay không ? Vấn đề có thể đúng sai trong những hoàn cảnh khác nhau ntn?)

LĐ 4: Rút ra bài học nhận thức (đúng hay sai) và hành động (cần làm gì?). Đây là một luận điểm nhỏ nhưng là vấn đề cơ bản của nghị luận xã hội bởi mục đích của việc nghị luận là rút ra những kết luận đúng để thuyết phục người đọc.

III. Kết bài

-Liên hệ bản thân, đánh giá chung về vấn đề.

B. Dàn ý gợi ý

I/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận/ trích dẫn nhận định (nếu có)

II/ Thân bài

Luận điểm	Cách làm
1. Giải thích : Nghĩa của từ/cụm từ/cả câu (nghĩa đen, nghĩa hàm ẩn) là gì?	-Dùng các từ gần nghĩa , cùng trường nghĩa để giải thích. -Dùng các từ trái nghĩa để giải thích. -Giải thích bằng cách nêu ví dụ.
2/Lý giải vấn đề (Tại sao)	-Đề ý vào các từ ngữ trong đề bài, đặt câu hỏi (tại sao?), sẽ tìm được ý bình luận cho riêng mình. -Lí giải kết hợp với chứng minh. Lưu ý nên lấy những dẫn chứng xã hội , người thật việc thật.
3/Biểu hiện/hiện trạng: vấn đề được biểu hiện hoặc đang diễn ra như thế nào trong đời sống xã hội.	-Đề cập hai phương diện : +Tích cực: Như thế nào? +Tiêu cực: Tuy nhiên bên cạnh đó còn có những biểu hiện, tư tưởng trái ngược ntn? Phê phán.
4/Đánh giá, luận bàn vấn đề.	-Trả lời một số câu hỏi nhằm lật ngược vấn đề , nhìn những vấn đề trong nhiều chiều , nhiều góc độ , thấu đáo hơn, tránh áp bức, khiên cưỡng (VD các câu hỏi như : có ngoại lệ hay không? Vấn đề có thể đúng sai trong những hoàn cảnh khác nhau ntn?) -Đây là phần thể hiện bản lĩnh , độ sắc, nhạy của người viết .
5/Rút ra bài học: +Bài học nhận thức +Bài học hành động	-Phần này gần với việc đề xuất các giải pháp: +Cá nhân: mỗi người tự ý thức ra sao? Tu dưỡng phẩm chất đạo đức. +Gia đình ? +Nhà trường ? +xã hội (tuyên truyền, tham gia các hoạt động xã hội...)
Lưu ý: Dẫn chứng phải thuyết phục , thường là nhân vật , sự kiện , không dùng dẫn chứng chung chung.	

II. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề.

Ngày soạn: 17/8

Tiết 5 +6 : ÔN TẬP CÁC KIỂU CÂU

I- Mục tiêu cần đạt:

- Hệ thống hoá các kiểu câu phân loại theo mục đích nói và phân loại theo cấu tạo ngữ pháp trong chương trình THCS từ lớp 6 - 8.
- Củng cố bằng các bài tập nhận diện và sử dụng.
- Rèn kĩ năng viết đoạn văn có sử dụng một số kiểu câu đã học.

II- Chuẩn bị:

1. GV: - Giáo án, bảng phụ.
2. HS: - Ôn tập các kiến thức về các kiểu câu đã học.

III- Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học:

HD1: Hướng dẫn ôn tập lí thuyết.

1. Câu trần thuật đơn có từ “là”:

- là câu kể có nội dung thông báo, kể chuyện, định nghĩa hoặc miêu tả sự vật, hiện tượng.
- Cấu tạo: có 1 cụm C-V: CN + là + VN.
- VD: Phương Định// là //cô gái có tâm hồn trong sáng, hồn nhiên, mơ mộng.
CN + là + VN

2. Câu ghép:

- Là câu có từ cụm C-V trở lên làm nòng cốt câu, hai cụm C-V đó không bao chứa nhau.
- Cấu tạo: C-V + C-V...
- Lưu ý: Trong đoạn văn nếu được yêu cầu chỉ ra 1 câu ghép: chỉ nên viết câu ghép có hai cụm C-V để tránh dài dòng, nhầm lẫn dẫn đến sai.
- VD: Bom đạn quân thù// có thể làm biến dạng chiếc xe nhưng nó//không hề bẹp được tinh thần,
CN VN CN VN
ý chí chiến đấu của những người lính lái xe.
VN

3. Câu hỏi tu từ:

- Là câu hỏi dùng để bộc lộ cảm xúc, không yêu cầu phải trả lời.
- Muốn tạo câu hỏi tu từ trong đoạn văn: thêm từ “Phải chăng” vào đầu các câu thể hiện cảm xúc, hoặc các câu có ý kết luận, kết thúc câu bằng dấu hỏi chấm (?).
- VD: Phải chăng ở ông Hai, tình yêu làng hoà hợp, thống nhất trong tình yêu nước?

4. Câu cảm thán:

- Là câu có từ cảm thán, thể hiện cảm xúc của người viết.
- Muốn tạo câu cảm thán trong đoạn văn: Thêm 1 trong các từ: “Ôi”, “Chao ôi”. “Trời ơi” vào đầu câu, cuối câu thêm 1 trong các từ: “Làm sao”, “biết bao” và kết thúc câu bằng dấu chấm than (!)
- VD: Chao ôi, mùa xuân thiên nhiên xứ Huế mới đẹp làm sao!
- Hoặc dùng trường hợp đặc biệt: Sau các từ cảm thán sử dụng dấu chấm than (VD: Than ôi! Trời ơi! Chao ôi!)

5. Câu bị động:

- Là câu có chủ ngữ chỉ đối tượng của hoạt động.

-
- Cấu tạo: CN (đối tượng) + được(bị) +VN(có động từ chỉ hoạt động tác động vào đối tượng ở CN)
 - VD: Mùa xuân thiên nhiên xứ Huế// được// tác giả miêu tả thật đẹp, sinh động.
CN (đối tượng) + được + VN (động từ “miêu tả”)

6. Câu phủ định:

- Là câu có chứa các từ phủ định để thông báo sự vắng mặt hoặc không có sự vật, hiện tượng, sự việc được nói đến trong câu.
- Muốn tạo câu phủ định trong đoạn văn: Thêm các từ “không”, “chưa”, “không phải” vào trước nội dung muốn phủ định.
- VD: Bom đạn quân thù không cản được sự chuyển động về phía trước của những đoàn xe không có kính ấy.

7. BIẾN ĐỔI CÂU

a. Câu đặc biệt:

- Không cấu tạo theo mô hình C-V.
VD: Mưa. Nỗ nùng.
- Chức năng: Gọi đáp, bộc lộ cảm xúc, xác định sự tồn tại của sự vật, hiện tượng, xác định thời gian, không gian.

b. Câu rút gọn:

- Là câu có thể lược bỏ một thành phần nào đó của câu và có thể khôi phục.
- Các thành phần có thể rút gọn: CN, VN, cả CN và VN.
VD: Mọi người ai cũng mệt. Cả An.
=> Rút gọn VN.

4. Câu dùng cụm C- V mở rộng:

- Có thành phần nào đó của câu được mở rộng bằng 1 cụm C-V.
VD: Hoàn cảnh bi thương của lão Hạc khiến người đọc cảm thương.
C V

*** HĐ 2: Hướng dẫn HS luyện tập:**

Bài 1:

Đặt 2 câu với mỗi kiểu câu trên (có phân tích cấu tạo ngữ pháp)

Bài 2: Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về đức tính giản dị của Hồ Chí Minh trong văn bản “ *Phong cách Hồ Chí Minh*” của Lê Anh Trà, trong đó có sử dụng câu cảm thán và câu bị động. (*Gạch chân*).

D- Hướng dẫn về nhà:

- Hoàn thành các bài tập còn lại.
 - Nắm chắc các kiểu câu đã học.
-

Ngày soạn : 18/8

Tiết 7+ 8

NGHI LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

I.Mở bài

-Giới thiệu hiện tượng đời sống cần nghị luận.

II.Thân bài

1.LĐ 1: giải thích sơ lược hiện tượng đời sống , làm rõ những từ ngữ, hình ảnh , khái niệm có trong đề bài (nếu có).

2.LĐ 2: Nêu rõ thực trạng, biểu hiện và ảnh hưởng của hiện tượng đời sống(thực tế vđ đang diễn ra ntn? Có ảnh hưởng ra sao đối với đời sống? Thái độ của xã hội đối với vấn đề ntn?).Chú ý liên hệ thực tế địa phương để đưa ra những dẫn chứng sắc bén , thuyết phục.Từ đó làm nổi bật tính cấp thiết phải giải quyết vấn đề.

3.LĐ 3: Chỉ ra nguyên nhân dẫn đến hiện tượng (chủ quan+khách quan)

4.LĐ 4: Đề xuất giải pháp để giải quyết hiện tượng (chú ý nguyên nhân nào thì giải pháp đó). Cần chỉ rõ những việc cần làm , cách thức thực hiện, đòi hỏi phải phối hợp với những lực lượng nào?

5.LĐ 5: Rút ra 2 bài học, nhận thức và hành động (nhận thức về vấn đề ntn? Đúng hay sai? Cần phải làm gì?

III.Kết bài : cần khái quát lại vấn đề đang nghị luận, bày tỏ thái độ của bản thân về hiện tượng đời sống.

***DÀN Ý**

	Hiện tượng xấu	Hiện tượng tốt
Mở bài	Nêu vấn đề	Nêu vấn đề
Thân bài	1.Giải thích hiện tượng	1.Giải thích hiện tượng
	2.Nêu biểu hiện thực trạng(diễn ra ntn? ở đâu?)	2.Nêu biểu hiện (mô tả lại hiện tượng)
	3.Nguyên nhân? (tại sao?)	3.Nguyên nhân? (tại sao?)
	4.Tác hại (tác động tiêu cực là gì? Chi phối ntn đến con người, xã hội?	4.Tác dụng, ý nghĩa của hiện tượng?
	5.Luận bàn; nhìn nhận của xã hội về vấn đề đó ntn? Soi vấn đề ở nhiều góc nhìn , nhìn vấn đề ở tính biện chứng – lịch sử)	5.Luận bàn: phê phán hiện tượng trái ngược.
	6.Giải pháp: cá nhân, gia đình, nhà trường, xã hội	6.Biện pháp nhân rộng của hiện tượng.
	7.Rút ra bài học: -BH nhận thức -BH hành động	7.Rút ra bài học: -BH nhận thức -BH hành động
Kết bài	Đánh giá chung về hiện tượng	

NGHI LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG TÁC PHẨM HOẶC CÂU CHUYỆN

I.Mở bài

- Dẫn dắt vấn đề, giới thiệu câu chuyện trong đề bài.

- Nêu vấn đề cần nghị luận

II. Thân bài

***Bước 1:** Phân tích hoặc nêu vấn đề nội dung câu chuyện để rút ra ý nghĩa vấn đề.

-Nhấn mạnh, khẳng định ý nghĩa nội dung từ VB văn học đó.

-Khái quát chính xác về xã hội cần nghị luận.

***Bước 2:** Thực hiện các thao tác nghị luận

-Giải thích vấn đề (nếu cần thiết)

-Phân tích, chứng minh

+ Đối với về xã hội là về tư tưởng , đạo lí: làm rõ các biểu hiện của tư tưởng , đạo lí ở những phương diện khác nhau trong đời sống , dùng thực tế xã hội để chứng minh. Đặt câu hỏi để xác định ý : ntn? ở đâu? Bao giờ?...

+Đối với về xã hội là một hiện tượng đời sống: Xđ đó là hiện tượng tích cực hay tiêu cực, mô tả những biểu hiện của hiện tượng đó.

-Bình luận: Chỉ ra tầm quan trọng của xã hội hiện nay.

-Đánh giá;

+Quan niệm, tư tưởng ấy đúng đắn, sâu sắc ntn? Ý nghĩa đối với tâm hồn, nhân cách con người? (tư tưởng, đạo lý)

+Hiện tượng ấy có ảnh hưởng ntn đối với cuộc sống con người?

(cần thể hiện thái độ đồng tình, biểu dương, trân trọng trước vấn đề xã hội có ý nghĩa tích cực, phê phán những biểu hiện sai trái, suy nghĩ, quan niệm lệch lạc so với quan niệm, tư tưởng , hiện tượng đc nghị luận)

-Mở rộng: Xem xét vấn đề ở những phương diện , góc độ khác nhau.

***Bước 3:** Rút ra bài học cho bản thân:

-Về nhận thức: Vấn đề xã hội đó giúp ta hiểu sâu sắc về điều gì? Rút ra được điều gì có ý nghĩa?

-Về hành động: Xđ hành động bản thân phải làm gì ? Việc làm cụ thể, thiết thực.

III. Kết bài

Bài tập luyện tập:

1. Tháng 3, trường em tổ chức giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ đề “ **Quà dâng mẹ**”. Em hãy viết một đoạn văn diễn dịch khoảng 10 – 12 câu, trong đó có phép thế, phát biểu suy nghĩ của mình về buổi hoạt động ngoài giờ lên lớp đầy ấn tượng ấy.

2. Tháng 11, trường em tổ chức giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ đề “ **Tôn sư trọng đạo**”. Em hãy viết một đoạn văn quy nạp khoảng 10 – 12 câu, trong đó có sử dụng phép lặp từ ngữ, phát biểu suy nghĩ của mình về buổi hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đầy ấn tượng ấy với em.

3. Em hãy viết đoạn văn (khoảng 10 câu) bàn về “ **văn hoá hội họp**” hiện nay theo phép tổng phân hợp, có sử dụng ít nhất hai phép liên kết.

4. Bạn em say mê học toán nhưng chưa thích học văn. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 câu) góp ý kiến với bạn để giúp bạn học tập toàn diện hơn.

5. Một số bạn em có phần lơ là học tập. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 câu) để thuyết phục các bạn ấy tin rằng đúng như người xưa từng nhắc nhở: *nếu còn trẻ mà không chịu học hành thì khi lớn lên sẽ chẳng thể làm việc gì có ích.*

6. Một hiện tượng khá phổ biến hiện nay là vứt rác ra đường hoặc những nơi công cộng. Em hãy đặt một nhan đề cho hiện tượng ấy và viết một đoạn văn (khoảng 10-12 câu) nêu suy nghĩ của mình.

7. Lớp em tổ chức buổi trao đổi về đề tài: *Cái gì quý nhất?* Em hãy viết một đoạn văn (10-12 câu) bày tỏ ý kiến của mình trong cuộc trao đổi đó.
8. Viết một đoạn văn quy nạp từ 6-8 câu nói về mục đích học tập của người học sinh (có sử dụng phép liên kết)..

III. Hướng dẫn học tập về nhà: (2phút)

- Viết bài hoàn chỉnh
